

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 /02/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng
2. Ông Đỗ Phụng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 26/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 838/2020/TLST- HNGĐ ngày 23/ 10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/ 2020/QĐXX -ST ngày 18 / 01/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên Đơn:** Chị Phan Thị Huyền T; sinh năm 1985;

ĐKKHKT: Tổ X, phường P, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ở: Số nhà 6, tổ Y, phường Đ, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Giáo viên; Văn hóa: Lớp 12/12;

(Có mặt tại phiên tòa)

***Bị Đơn:** Vũ Đình D; sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ S, phường T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên;

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: Lớp 12/12;

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị Huyền T trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Đình D năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, bất hòa do không cùng quan điểm sống, anh D không có trách nhiệm với vợ con. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T vẫn xác định không còn tình

cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh D để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Phan Đức M, sinh ngày 09/4/2009; Vũ Phan Đức A, sinh ngày 10/02/2015.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2020, bị đơn là anh Vũ Đình D trình bày: Anh kết hôn với chị Phan Thị Huyền T năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, về lý do ly hôn chị T đưa ra là không đúng, trong cuộc sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, anh D không nhất trí ly hôn vì không muốn các con phải khổ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Phan Đức M, sinh ngày 09/4/2009; Vũ Phan Đức A, sinh ngày 10/02/2015.

Nếu Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/01/2021 cháu Vũ Phan Đức M có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nhưng anh D không tham gia hòa giải, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Phan Thị Huyền T và anh Vũ Đình D đều có nơi cư trú tại thành phố Thái Nguyên như vậy theo quy định tại Điều 28, 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Anh vũ Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chị Phan Thị Huyền T và anh Vũ Đình D kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Chị T trình bày do bất đồng quan điểm sống, anh D không có trách nhiệm với vợ con, từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, tại phiên toà hôm nay, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn để giải phóng cho nhau. Anh Vũ Đình D không nhất trí ly hôn vì không muốn các con phải khổ.

HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị Phan Thị Huyền T và anh Vũ Đình D đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự tan vỡ, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị Phan Thị Huyền T được ly hôn anh Vũ Đình D là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Phan Đức M, sinh ngày 09/4/2009; Vũ Phan Đức A, sinh ngày 10/02/2015.

Khi ly hôn, chị T và anh D đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, chị T và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cả 02 chung đến khi trưởng thành.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị T có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tốt hơn vì chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Cháu Vũ Phan Đức M có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, còn cháu Vũ Phan Đức A hiện nay còn nhỏ, cần sự chăm sóc, bảo ban của mẹ nhiều hơn. Do vậy để đảm bảo

quyền lợi của con chung, tránh việc xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của các con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị T phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28,35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 227, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Huyền T.

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Phan Thị Huyền T được ly hôn anh Vũ Đình D.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dỡng, giáo dục 02 con chung là Vũ Phan Đức M, sinh ngày 09/4/2009; Vũ Phan Đức A, sinh ngày 10/02/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003668 ngày 23 / 10 /2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án/.

NƠI NHẬN

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN;
- UBND phường T, TP TN.
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hà

NOI NHẬN

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP
- UBND phường T, TPTN.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN THỊ HUYỀN HÀ

